TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HSST
Ngày: 28/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lò Văn Quân và bà Vàng Thị Bình;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên toà: Ông Lường Văn Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2017/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên**: Ngô Văn Q**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1965 tại Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12. Con ông: Ngô Văn T (đã chết); con bà: Bùi Thị M (có tên gọi khác là Bùi Thị D) sinh năm 1927. Có vợ là Phạm Thị V và có 2 người con đều đã trưởng thành. Tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2017 đến ngày 24/3/2017 và bị tạm giam từ ngày 24/3/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn Q**: Ông Nguyễn Anh Tuấn; nghề nghiệp: Luật sư; nơi công tác: Công ty luật TNHH Trường Lộc; địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Machinco 1, số 10, đường Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người có liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: **Lò Văn N**, trú tại: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Thị V**, trú tại: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Ngô Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về hành vi phạm tội như sau: Hồi 15 giờ 25 phút ngày 20/3/2017, tổ công tác Công an huyện Tuần Giáo phát hiện Lò Văn N đang sử dụng trái phép chất ma túy (hít Hêrôin) bên

suối gần đường Quốc lộ thuộc địa phận bản N, xã N. N khai chất ma túy N sử dụng là của Nọi mua của Ngô Văn Q trú tại bản P, xã N. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuần Giáo đã khám xét nơi ở của Ngô Văn Q, phát hiện thu giữ tại chân tường chuồng gà nhà Q 01 gói ni lông màu trắng hồng bên trong chứa 22 gói nhỏ Hêrôin được gói bằng túi nilon màu đen có trọng lượng 5,87 gam.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Văn Q khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/3/2017, Q đứng chơi một mình ở cầu P, xã N thì gặp một người đàn ông không quen biết. Người đó hỏi Q có mua Hêrôin không. Q nhất trí mua và được người đó bán cho một cục Hêrôin với giá 900.000đ. Q mang về nhà và chia nhỏ số Hêrôin đó ra thành 22 phần rồi lấy các mảnh nilon màu đen gói lại và cho tất cả vào vỏ túi khăn giấy hiệu Liên Á gói lại và mang ra chân tường chuồng gà cất giấu, mục đích để sử dụng dần. Đến ngày 20/3/2017 thì bị phát hiện và thu giữ.

Ngày 24/3/2017, cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định vật chứng. Số chất Hêrôin thu được của Ngô Văn Q được xác định trọng lượng là 5,87 gam

Tại bản Kết luận giám định số: 383/GĐ-PC-54 ngày 03/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện biên đã kết luận: Mẫu vật gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Ngô Văn Q là chất ma túy; loại Hêrôin; trọng lượng vật chứng thu giữ là 5,87 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 50/QĐ-VKS-HS ngày 12/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Ngô Văn Q về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14; Công văn số: 276/CV-TANDTC về hướng dẫn áp dụng một số điều có lợi cho người phạm tội, xử phạt bị cáo Ngô Văn Q từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS: Tuyên hủy 01 gói niêm phong Hêrôin, 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon màu trắng hồng là vật chứng liên quan đến vụ án. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 194 BLHS. Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm về tội danh, điều luật mà VKS đã truy tố, áp dụng, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; Điều 47 BLHS 1999 xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và đương sự khác

XÉT THẤY:

Căn cứ lời khai của Lò Văn N, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn Q, phát hiện và thu giữ 22 gói Hêrôin có trọng lượng 5,87 gam Hêrôin được cất giấu tại khu vực chuồng gà nhà bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, số Hêrôin này là của bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết nhằm mục đích sử dụng vì bị cáo là người nghiện ma túy. Bị cáo không bán Hêrôin cho Lò Văn N.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám xét; biên bản mở niêm phong và xác định trọng lượng vật chứng; bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Về lời khai của Lò Văn N về việc Ngô Văn Q bán Hêrôin, bị cáo Q không thừa nhận. Do đó không có căn cứ cho rằng Q bán Hêrôin cho N.

Hành vi tàng trữ 5,87 gam Hêrôin để sử dụng của Ngô Văn Q đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Số Hêrôin bị cáo tàng trữ là 5,87 gam là tình tiết tăng nặng định khung tại điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS nay được qui định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015. So với khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 thì khung hình phạt của Điều 249 BLHS nhẹ hơn (khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm. Khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm) nên cần áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS; Nghị quyết số: 41/2017/QH14; Công văn số 276/TANDTC-PC hướng dẫn áp dụng một số điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 để áp dụng điều luật tương ứng cho bị cáo.

Bởi vậy, VKSND huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là chính xác.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo theo các điểm p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS xử phạt dưới khung của người bào chữa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chỉ có căn cứ chấp nhận tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS vì quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Gia đình bị cáo có người anh cùng mẹ khác cha là liệt sỹ, mẹ bị cáo là mẹ liệt sỹ nay đã già yếu và bị cáo đang phải nuôi mẹ. Tất cả các tình tiết này được qui định là tình tiết giảm nhẹ TNHS qui định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Tại điểm c mục 5 Nghị quyết 01/2000/HĐTP-TANDTC ngày 04/8/2000 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số qui định trong phần chung BLHS 1999 ghi: " Khoản 2 Điều 46 BLHS qui định: Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ

nhưng phải ghi rõ trong bản án… Các tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ khác:

…

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, (con đẻ hoặc con nuôi) anh chị em ruột là liệt sỹ.

Tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 qui định: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS:

x, Người phạm tội là cha mẹ, vợ, chồng con của liệt sỹ, người có công với cách mạng.

Như vậy, bị cáo là em liệt sỹ nên không thuộc trường hợp này. Còn tình tiết bố bị cáo là người có công với cách mạng (được tặng thưởng huân chương kháng chiến) thì bị cáo không xuất trình được huân chương, huy chương kháng chiến của bố. Giấy xác nhận của UBND cấp xã xác nhận việc bố bị cáo được tặng thưởng huân chương là không đủ căn cứ pháp lý.

Như vậy, bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ TNHS qui định ở khoản 1 và 1 tình tiết ở khoản 2 Điều 46 BLHS nên không đủ điều kiện để áp dụng điều 47 BLHS để xử phạt dưới khung vì tại điều 47 BLHS qui định: Chỉ khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ TNHS qui định tại khoản 1 Điều 46 BLHS mới có thể xem xét để áp dụng điều này.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm sự độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép Hêrôin của bị cáo là nguyên nhân gây nên tệ nạn nghiện ma túy, loại tệ nạn đang gây nhức nhối trong toàn xã hội bởi sự hủy hoại về kinh tế, sức khỏe, tính mạng con người của loại độc dược này nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Bị cáo đã một lần bị kết án, tuy đã được xóa án tích nhưng điều đó cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Bản thân lại nghiện ma túy lâu năm không chịu cai nghiện. Tuy nhiên, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ nên cần xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên cần miễn cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán Hêrôin cho bị cáo, bị cáo khai không biết tên tuổi địa chỉ nên cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý. Lò Văn N là người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, UBND xã N đã ra quyết định phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là đúng.

Vật chứng vụ án là 01 gói niêm phong Hêrôin, 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon màu trắng hồng cần áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS tuyên tịch thu để hủy.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH; Công văn số: 276/TANDTC-PC hướng dẫn áp dụng một số qui định có lợi cho người phạm tội, xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 05 (*năm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, tuyên tịch thu để hủy 1 gói Hêrôin được niêm phong, 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc, 01 túi nilon màu trắng hồng. Đặc điểm vật chứng nói trên được ghi theo phiếu nhập kho vật chứng số PNKVC58 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, bị cáo Ngô Văn Q phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2017).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Thị Thương